

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 20 – 3 – 2023

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Trân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hà Ngân Kim Tới.

2/ Ông Huỳnh Minh Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ông Thị Cành Nha - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Bích Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh S, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Sơn Thị D**; Sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 439 ấp S, xã L, huyện T, tỉnh S (Bà D vắng mặt – có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Lưu Phát T**; Sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 405 ấp S, xã L, huyện T, tỉnh S (Ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 8 năm 2022 và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Sơn Thị D trình bày:

Bà với ông Lưu Phát T tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng ông bà không đi đăng ký kết hôn. Ông bà chung sống cho đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn, suốt ngày chỉ lo ăn nhậu rồi về nhà lấy dao, búa ra mài và hăm dọa giết bà D. Do lo sợ mạng sống bị đe dọa nên bà D đã không còn sống chung với ông T từ năm 2005.

Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 người con chung tên là Lưu Minh T, sinh năm 1995, đã lập gia đình và ở riêng, Lưu Thị T, sinh năm 1998, đã lập gia đình và ở riêng và Lưu Thị M, sinh ngày 14/5/2009. Cháu M đang sống với ông T.

Về T sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có.

Nay bà Sơn Thị D yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Phát T.

- Về con chung: Hai người con là Lưu Minh T, sinh năm 1995 và Lưu Thị T, sinh năm 1998 đã lập gia đình và có cuộc sống riêng, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D đồng ý để ông T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lưu Thị M và bà đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về T sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lưu Phát T không có lời trình bày do vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý số 08/TB-TLVA ngày 11 tháng 01 năm 2023, tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông T nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà D. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với ông T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành mở phiên họp và đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được. Đồng thời đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Sơn Thị D, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sơn Thị D với ông Lưu Phát T. Về con chung: Giao cháu Lưu Thị M cho ông Lưu Phát T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Sơn Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Về T sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bà Sơn Thị D và ông Lưu Phát T đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, còn ông T mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà D và ông T.

[2] Về nội dung: Bà Sơn Thị D giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Phát T, đồng ý để ông T được nuôi cháu M và bà D đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu M mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T thấy rằng, bà D và ông T chung sống với nhau từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Nam và nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Kể từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng”. Tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: “Nam, nữ không đăng ký kết hôn mà chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng”. Như vậy đối chiếu với các quy định của pháp luật thì mối quan hệ giữa bà D với ông T không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà D được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà D và ông T có 03 người con chung tên là Lưu Minh T, sinh năm 1995, Lưu Thị T, sinh năm 1998 và Lưu Thị M, sinh ngày 14/5/2009. Hai người con tên T và T đã thành niên, phát triển bình thường, đã lập gia đình và có khả năng tự lo cho cuộc sống bản thân nên Tòa án không giải quyết về vấn đề cấp dưỡng. Còn cháu Lưu Thị M đang sống cùng ông T. Bà D trình bày từ khi hai người không còn sống chung thì cháu M do ông T chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại Tòa án, cháu M có văn bản ghi nguyện vọng là cháu có nguyện vọng được sống với cha nếu cha và mẹ cháu ly hôn. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Lưu Thị M cho ông Lưu Phát T nuôi dưỡng đến tuổi thành niên là phù hợp.

[4] Về T sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà D phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn và chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[6] Xét thấy ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sơn Thị D với ông Lưu Phát T.

- Về con chung: Giao cháu Lưu Thị M, sinh ngày 14/5/2009 cho ông Lưu Phát T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà Sơn Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp bà Sơn Thị D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Lưu Phát T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Sơn Thị D. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Sơn Thị D tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Lưu Thị M với mức cấp dưỡng mỗi tháng là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), cấp dưỡng cho đến khi cháu Lưu Thị M đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20 tháng 3 năm 2023. Ông Lưu Phát T là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng.

Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S.

- Về T sản chung và nợ chung: Bà D trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Sơn Thị D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về yêu cầu ly hôn và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng). Bà Sơn Thị D được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004238 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy, bà Sơn Thị D phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Trân